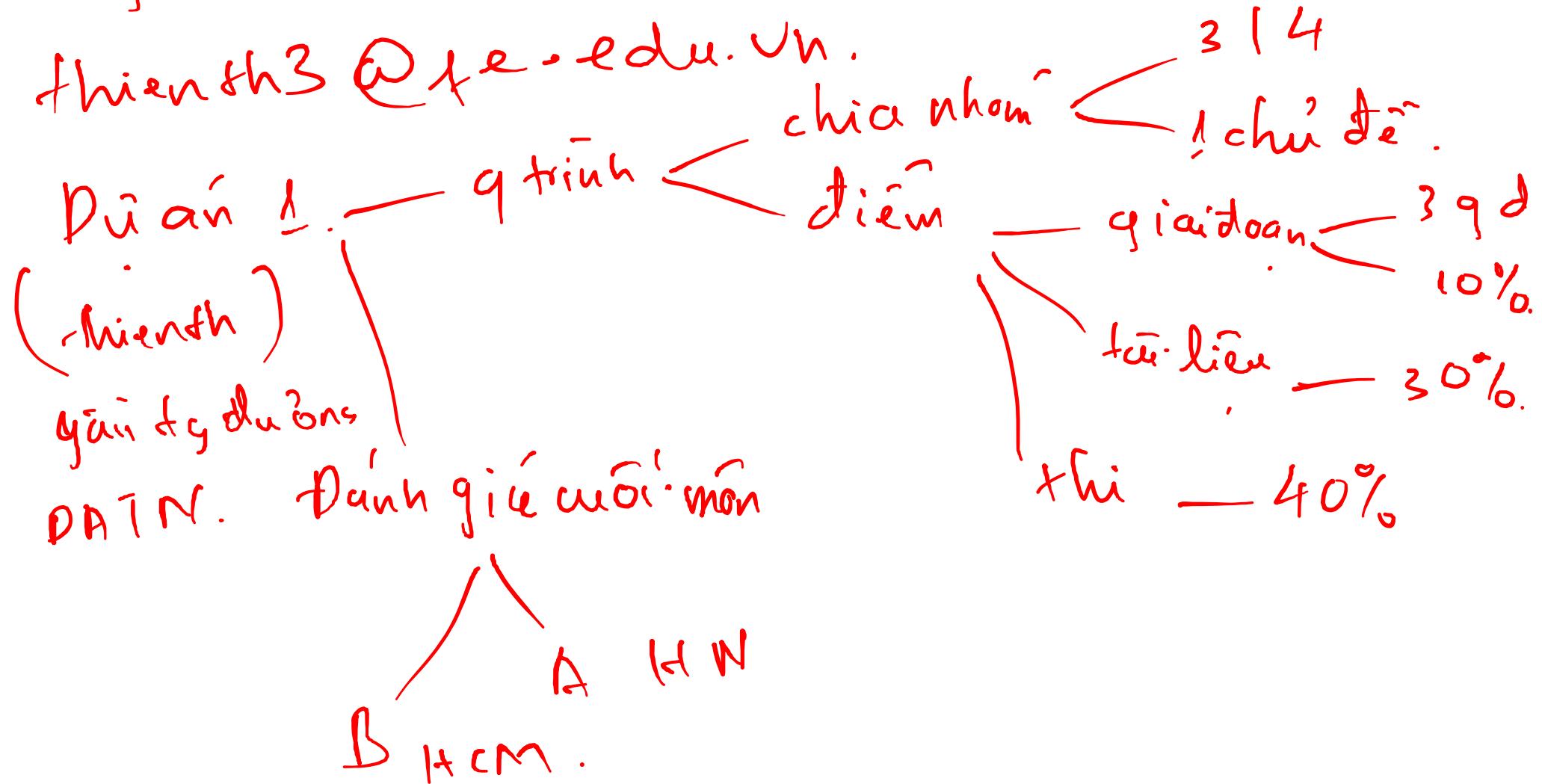


Trần Hữu Thiên

0969749493

thienht3@fpt.edu.vn.



Xuất file

+ PA 1

sharers p file của sv poly

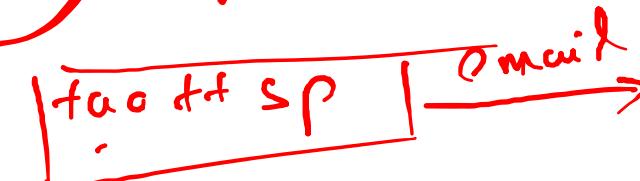
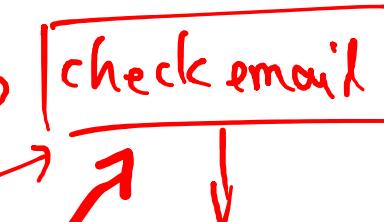
+ DATN.

Giao Vụ

Sinh viên

gv hd

chbm.



Lai

Phê duyệt

success

email

check SP

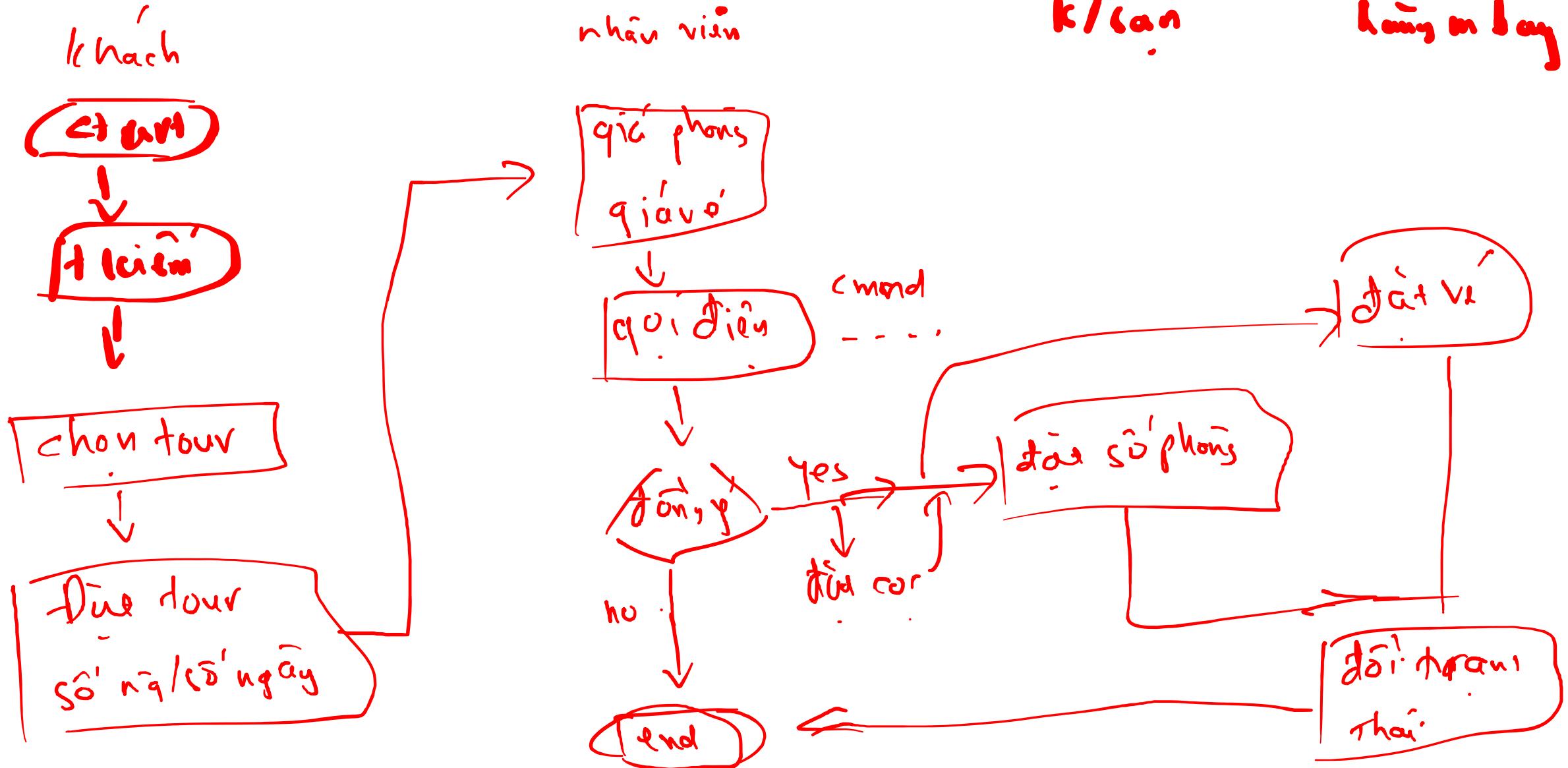
Phê duyệt

success

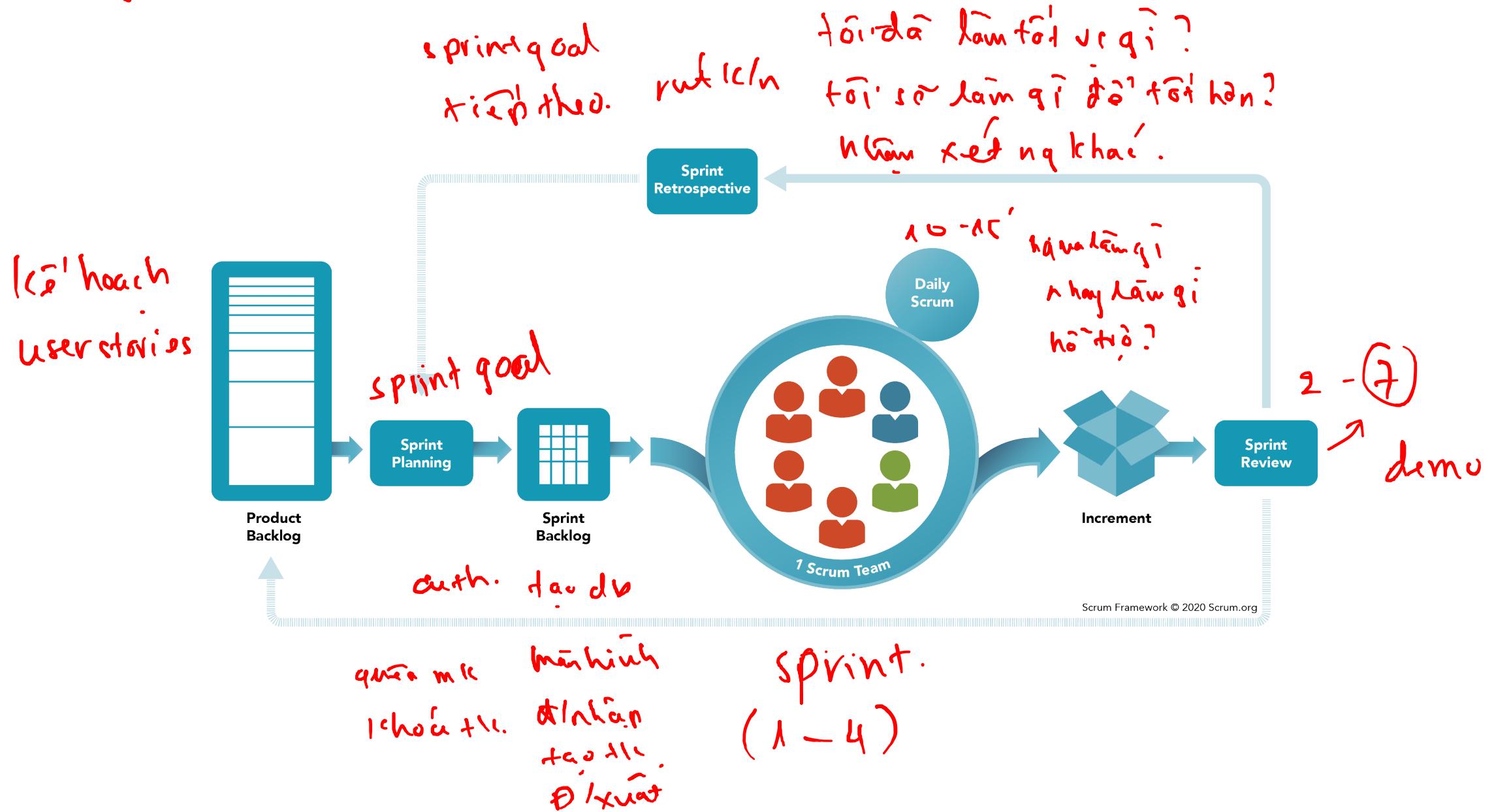
end

lai

+ PA 1



# Agile - Sogram chia dự án thành các vòng phát triển ngắn hạn (1-4 tuần)



User stories: mô tả ngắn gọn về 1 (năng) của dù có thể viết tách  
nhau.

### Phân loại

- |           |           |           |         |
|-----------|-----------|-----------|---------|
| Đối tượng | chức năng | công việc | vai trò |
|-----------|-----------|-----------|---------|
- vai trò người dùng muốn có thể thao tác = sđt + mlc.  
= mxh.
  - vai trò người thiết kế muốn dùng thao tác = email/ sđt  
để có thể thu thập tin tức  
dùng chay quảng cáo.

✓- liều: user stories (product backlog) có thể thay đổi trong quá trình phát triển dự án.

adaptive planning:arelcome với thay đổi để làm dự án tốt hơn.

---

story point: ① xác định độ khó của công việc -  
② định lý chính xác số lượng công việc có thể làm trong 1 sprint.

PIP

- x us 1
- x us 2
- x uc 3
- x uc 4

goal. chất lỏng.

1 G  
2 .  
3 .  
4

A 1  
B 4  
C C  
D 3

Sprint 1 tuần. (Càng sau đây)

9<

us 5

- x us 6
- x us 7
- us 8
- us 9
- us 10

1

us 8

①

2

us 9

6

us 8

←

us 4

8

us 5

6

us 6

5

x us 7

1

us 8

4

us 9

5

us 10

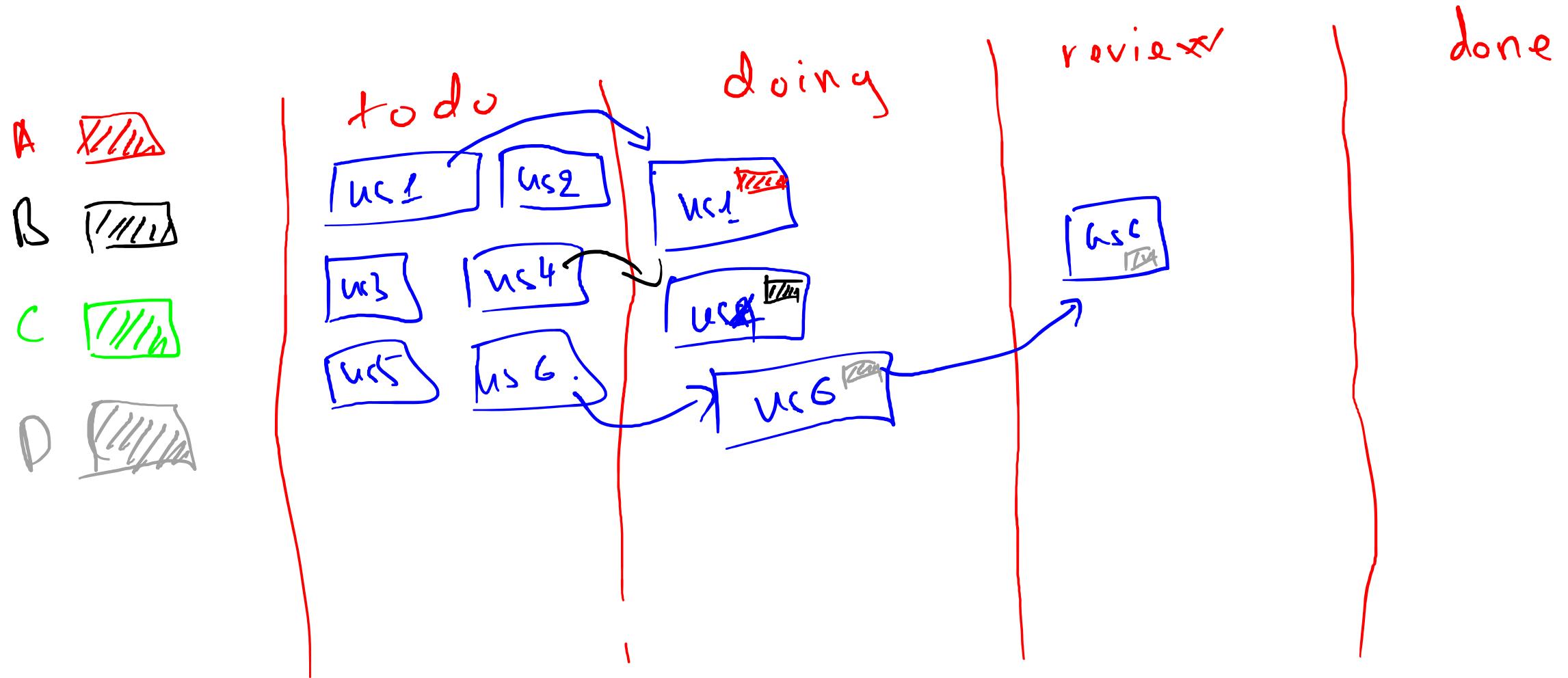
2

us 11

1

# daily meeting (10-15')

Trello.com (kanban): quản lý trạng thái công việc

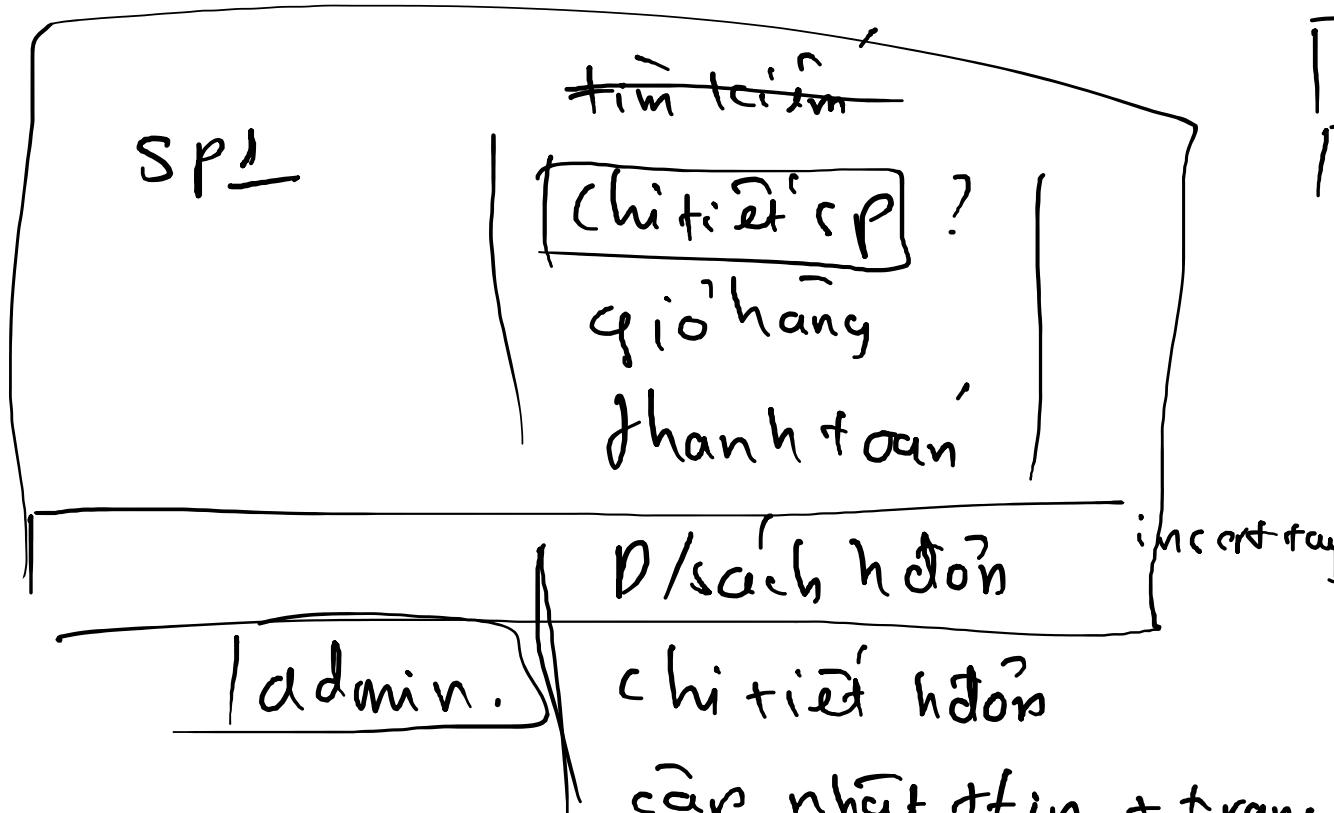


Đề án : Mục tiêu

hóa đơn + chiết khấu

bán hàng

thanh toán



thanhang

SP

danh mục

products.

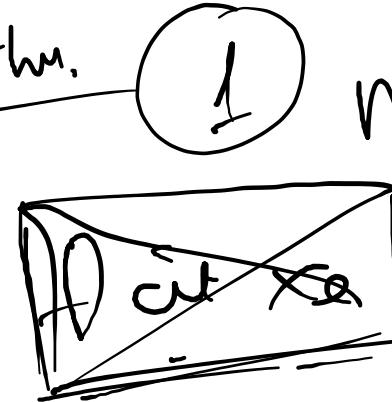
bán qua.

take

Xe hoi citer — n chiếc nón

four: lèn lịch  $\Rightarrow$  Dthm.  
Điều ng.

Sv<sup>1</sup>:



1 mục đích

gọi điện  
điền form  
lison

~~flintap~~

~~D/sách four~~

~~D/sách xe~~ — chup

~~D/sách four~~

| phim tam

~~D/sách xe~~

| phim tam

chi tiết

| phim tam

↑ tac data trong dh.

~~Đ/cit~~? D/sách lò

at v tao đón Đ/cit xe / tut tower.

D/sách + cấp nhật frans thai

+ cấp thông tin chi tiết

① mustiêm của sp<sup>1</sup> quan trọng & rõ qđ: thi lõm ~~đe~~ tóe

I bô qua  
a factor of du lieu.

② Phân thiết kê giao diện & db cho chnang || mustiêm  
của sp<sup>1</sup>.

③ tạo & bô source code & đưa lên github  
tìm hiểu dc ex git

Product backlog

[us1-3] den

[hs2-1]

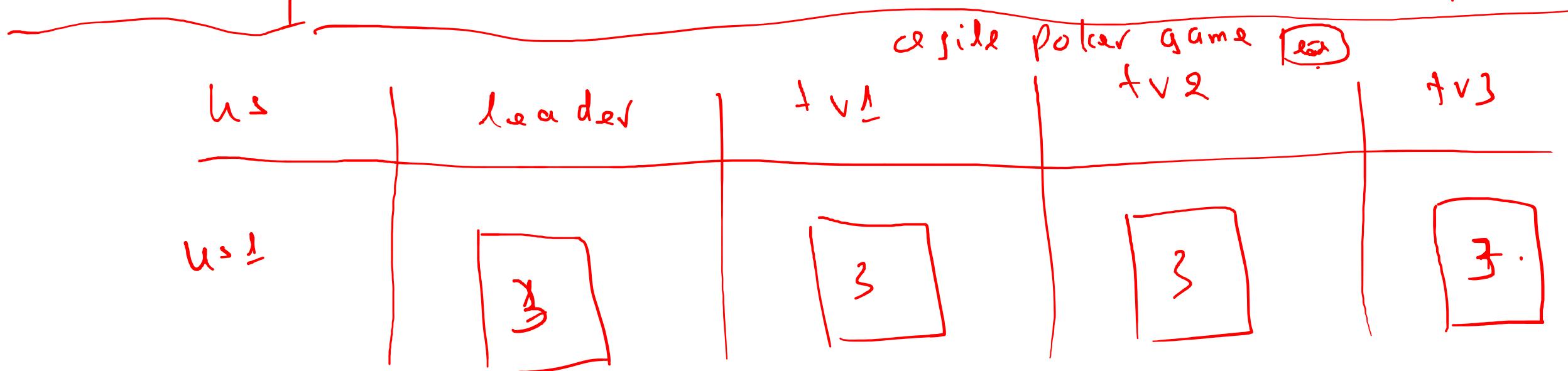
sprint 1:

[us3-1]

coding

reviewer

c/nang	Vai trò	mong muốn'	tính	Point
A	ust	admin		3
	u12	client		6
	uc3	45' tuân		1



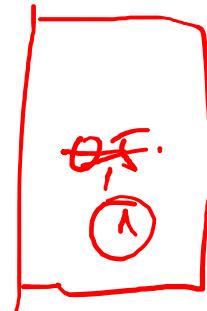
Lỗi xác nhận  
đã nhập = email + mk  
spam tin nhắn

(1)

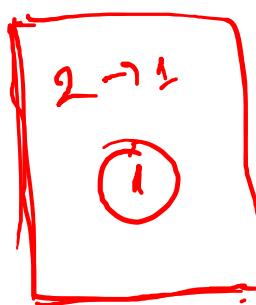
VB

user  
email  
password

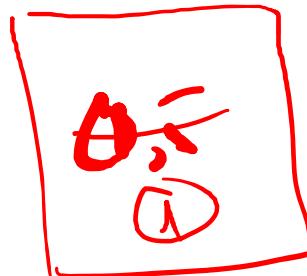
thông



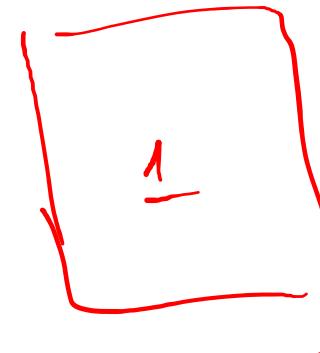
V/anh



link



quảng



PDO

Code giao diện login. | 30' X

adminLTE.  $\Rightarrow$  login page. | 1h.

csdt. | 10'

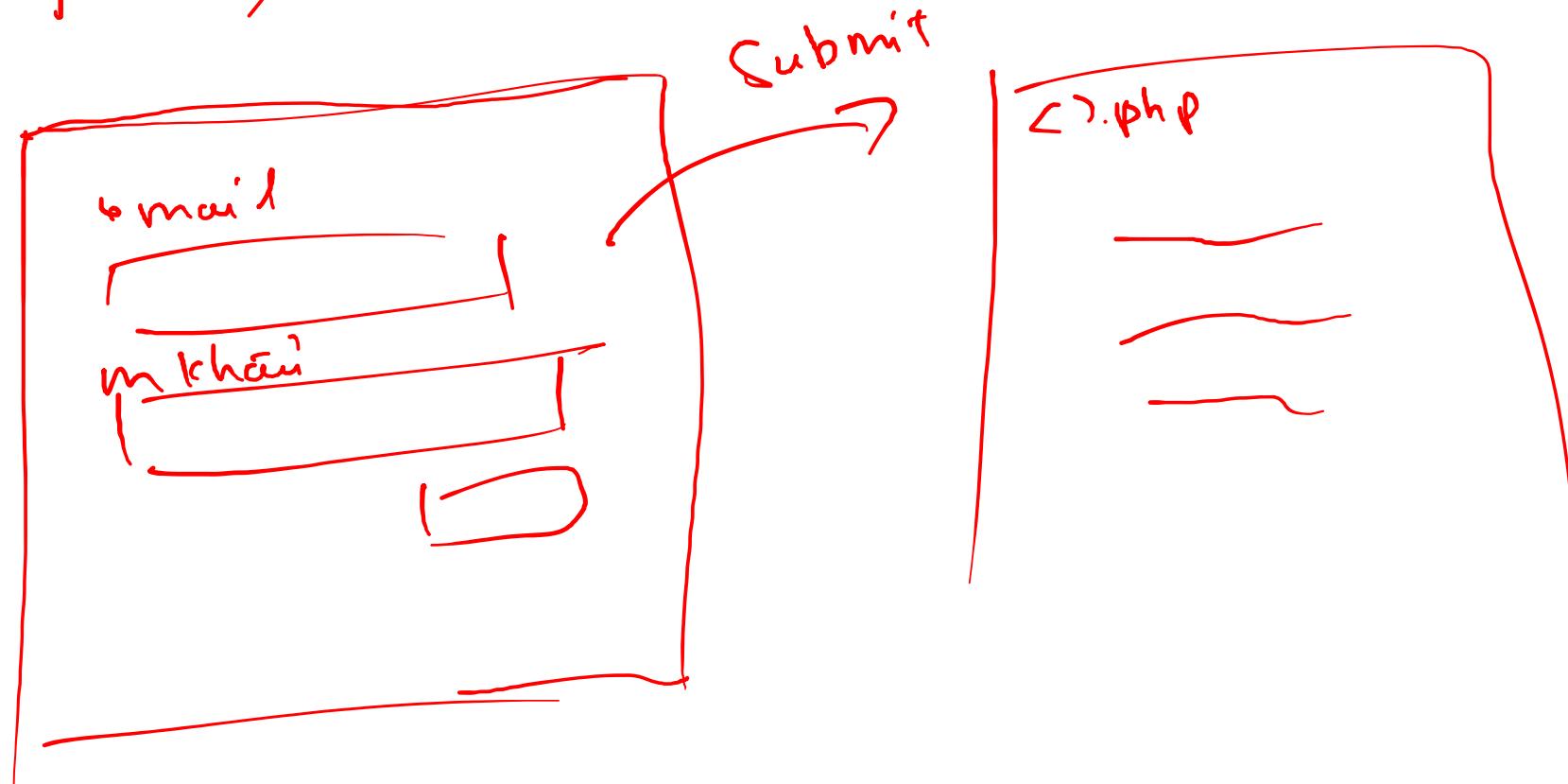
bé (phó) nhận data  $\Rightarrow$  | validate 20' | fact | merge code

gửi  $\Rightarrow$  tạo session | 20' | fact | merge code

phi

# login (người)

front



hitom: 1 bùm đè' k'toán  $\Rightarrow$  2 hiệu ứng  
1 block:  $\rightarrow$  ~~④~~ cấp nhất bun'  $\rightarrow$  tâ' han'

linc

các ý định - 1  
2  
3  
4

- Hàng ①  
Hàng ②  
Duy ③  
tâ' ④

git hub

- ① repository: 1 source code của project đc lưu trữ trên git hub
- 2 manage access: quản lý quyền truy cập của collaborator (còn tác viên)
- 3 branch: nhánh source code - lưu trữ độc lập vs nhau
- 4 clone: kéo source code từ repo về máy của mình (cmd | github clone)
- 5 commit: sau khi code xong đc branch của mình (máy local) submit code  $\Rightarrow$  vào p/memo git.
- 6 push: đưa source code đc đc ghi nhận thay đổi lên git hub.com.
- 7 pull: kéo source code mới nhất từ git hub về máy mình.

- \* fetch: cập nhật trạng thái mới nhất về nhánh đang làm việc
- \* checkout: đang làm việc ở nhánh A  $\Rightarrow$  chuyển qua làm việc ở nhánh B thông qua việc checkout.
- \* merge: ghép code từ nhánh B vào nhánh đang được check out.
- \* pull request: tạo ra yêu cầu ghép code từ nhánh mình  $\Rightarrow$  nhánh chính.  
conflict: lỗi - khi code mà nhánh merge có tình trạng trùng đồng với code của nhánh kia

Trầm

start

tạo repo

+ tạo nhánh mới

code xong

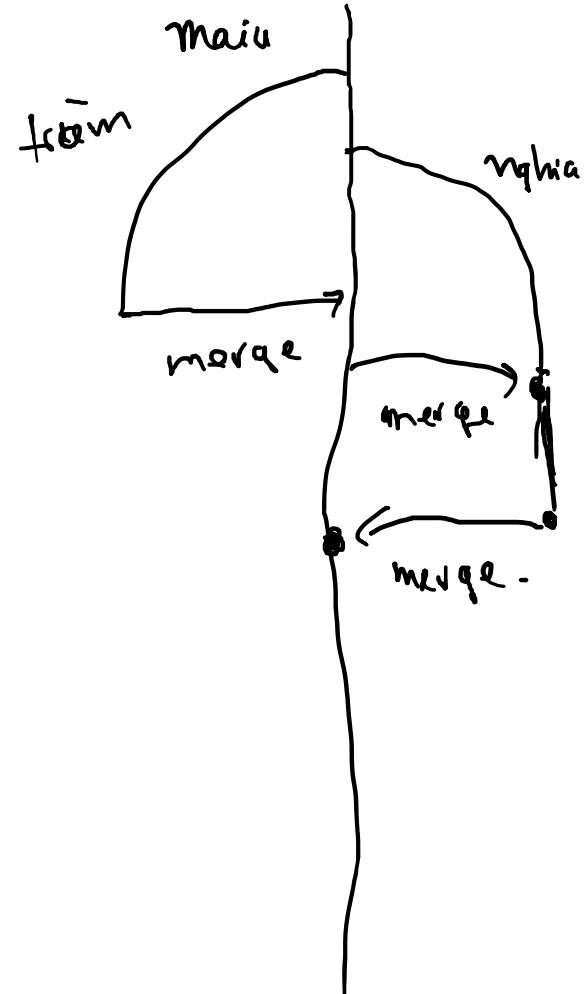
repository

Nghia~

clone

tạo nhánh mới

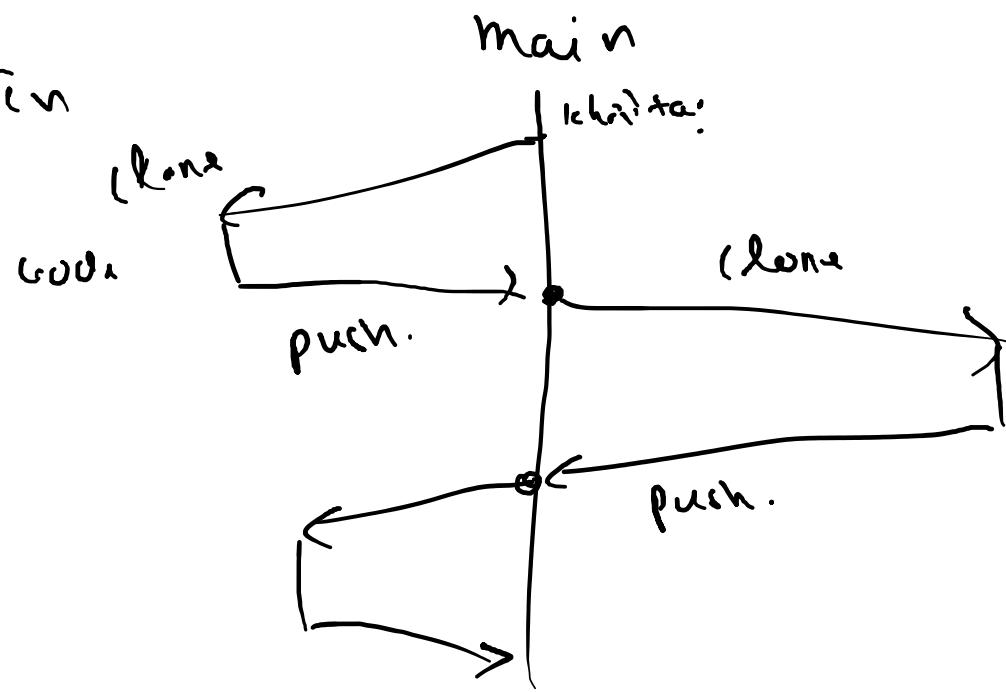
detect conflict.  
Resolve conflict.



shin

main

trām



## Resolve conflict:

\* accept incoming change

Xoá code của mình và sử dụng code từ trên git hub.

\* accept current change.

Xoá code của nhau trên github & sử dụng code của mình.

\* accept both

Sắp xếp code của git hub lên trước sau đó đến code của mình.

\* Tùy chỉnh sắp xếp.

- 1 check out main .
  - 2 pull code mới nhất của main về .
  - 3 checkout lối nhánh của mình .
  - 4 merge code từ nhánh main  $\Rightarrow$  nhánh của mình .
- ⑤ giải quyết conflict nếu có .
- 6 Tạo pull request .
  - ⑦ Trả nhôm - accept / close pull request .

trang chay o PHP

<?php

code.php  
lấy data

?>

</html>

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

(/html)

X  
✓

project

chứa

home

index.php

home.php

dao

include

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

localhost/home/

dan 1

admin

- business

- fai-lchoan.php

- can-pham.php

- danh-muc.php

- vienvis

client

- business

-                 

-                 

- vienvis

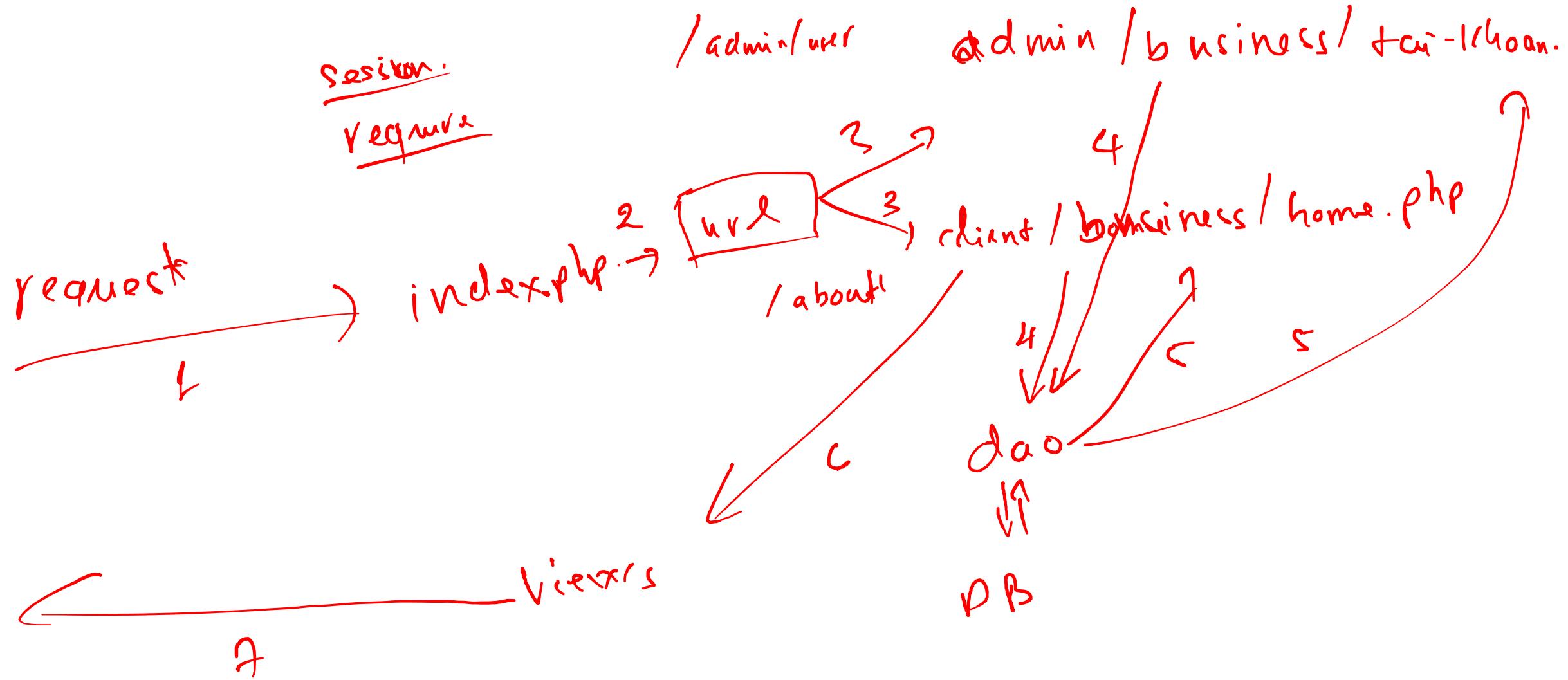
commons

database

dan 1

.htaccess

.index.php



/tai-khoa-nu/ /nu-moi



giao diện form

Submit →

name

email

avatar  mm

mật khẩu

điều :

faikhoa / han-tao - moi

nhập data từ form

\$name = \$ - POST ["name"];

- - - - -

sql = "insert into users  
(name, email, password)  
values  
(\$name, \$email, \$pass,  
\$avatar)"

values

(\$name, \$email, \$pass,  
\$avatar)"

X Orders

id  
user\_id

product\_id

quantity

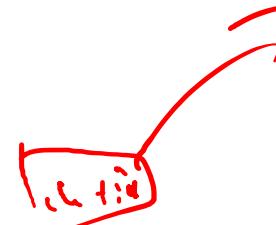
money



1. Dùng cách học đón  
select o.\* , u.name , u.address  
from Orders O  
join users u

on o.user\_id = u.id -

id	lý do	địa chỉ	stt	tổng tiền
o.id	o.reason	u[address]	u.h	o.total price.



load on [chitiết] id = ~~x~~  
o.id

② chitiell hàn

id hàn tòn

⇒ 1-attin lchach hàn -  
Select \* from orders where id = \$id = \$order .

| Select \* from users where id = order.id } ⇒ lchハン .

⇒ 2 chitiell cstrong hàn .

Select od.\* ,  
p.name, p.image .  
from order-detail od .

join products P

on od.product\_id = p.id .

where od.order\_id = \$id .

fours

	id	name	type	start	end.	price
1	hiring	2.		<u>20/12</u>	<u>24/12</u>	5tr.

user.

	id	name	phone-number
--	----	------	--------------

1	Thien	110.
2	nam	112.
3	an	113.

orders

	id	four-id	user-id	start-date	end-date	price	status
1	1	1	1	12/12	14/12	2tr.	1.
2	1	1	2	19/12	14/12	2tr	2.
3	1	1	3	26/12	21/12	5tr	2.
4	1	1	1	20/12	24/12	5tr	2.

# Dräctour

id	name	price	start	end	status	type	
1	hong	3tr	12/12	14/12	—	2.	26-26117.
2	hong	5tr	20/11	24/11	—	2.	

# ovders

id tour\_id customer\_id . start and. adult childrens price status .

css | js | img

project:

public/  
css  
main.css  
js  
main.js

index.php

link href = "public/css/main.css"

/admin/nhan-vien

jj

~~/admin/public/css/main.css~~

/admin/nhan-vien/tạo-moi

BASE-URL

PUBLIC\_PATH = Base' / public

Đã dân.

Đã dân tường đối:

Xét từ file đang u hàn quan xem chia vân mồi q hê của  
url.  
file đối  $\Rightarrow$  file đang x lý request.

Đã dân tuyệt đối:

cho trỏ tu-hỗ mvc.  $\left.\begin{array}{l} \text{url} \\ \text{p. gốc} \end{array}\right\} \Rightarrow$  file cần tìm  
Base url

---

o cùn q tần  
điền file nén  
tangxử lý . | url : http://local host/da! public(css/main.css  
img url = "(:\:\ desktop\ xd trang web\ a.jpeg"

1

1/ khảo sát  tóm quan  
lên ý tưởng.

- \* Mục tiêu : chứng minh nhu cầu thị trường  
xطلبite làm ra ở phân chowui , phục vụ !  
nhóm nà / đơn vị doanh nghiệp nào đó .
- \* Khảo sát 
  - ↳ thực hiện survey (số lượng đủ lơn).
  - ↳ phỏng vấn khán giả tiếp \*
  - ↳ info graphic (internet) \*

infographic : xác định khách hàng mục tiêu của website.

⇒  
nhiều cung  
lợi ích dự án đan lồng

website bán giấy.

chỉ có TTM & HN

nhiều cung cấp dùng

sử dụng website.

bđt |  
icon số  
trích nguồn.



Phân bán hàng.

của hàng có dùng website.

có lý do bán hàng + bình?

marketing

tiếp cận website.

(similar website)

tỷ lệ chuyển đổi

vietx ⇒ đơn hàng.

1.1. Khoá scđ.

1.2. Krebside đường fđ (chung ý-lg)

iết nhất là website công chúa để và để fđ.

chụp ảnh (extensions của chrome)

\* điểm mạnh {

- o phần tích vĩ cầm nhân
- { tính năng

\* điểm yếu

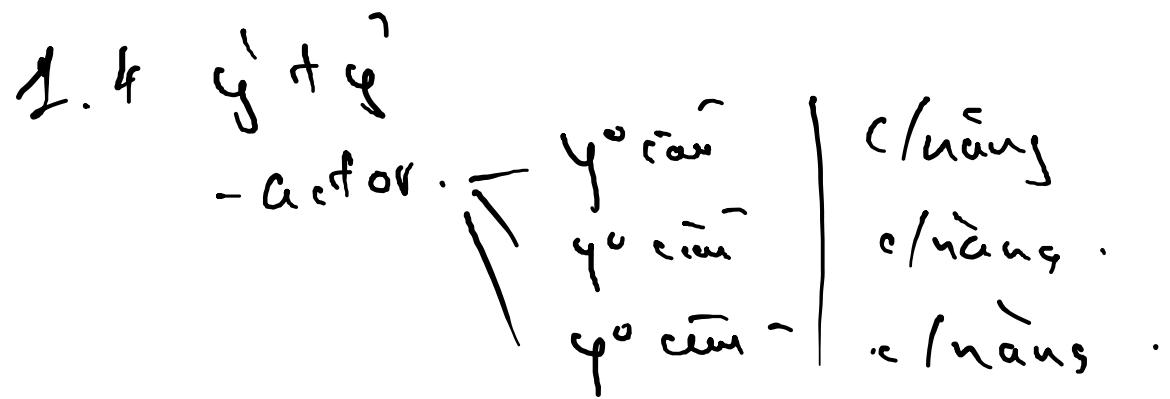
1.3. Vấn đề gặp phải. (khách hàng)

ngôn ngữ:

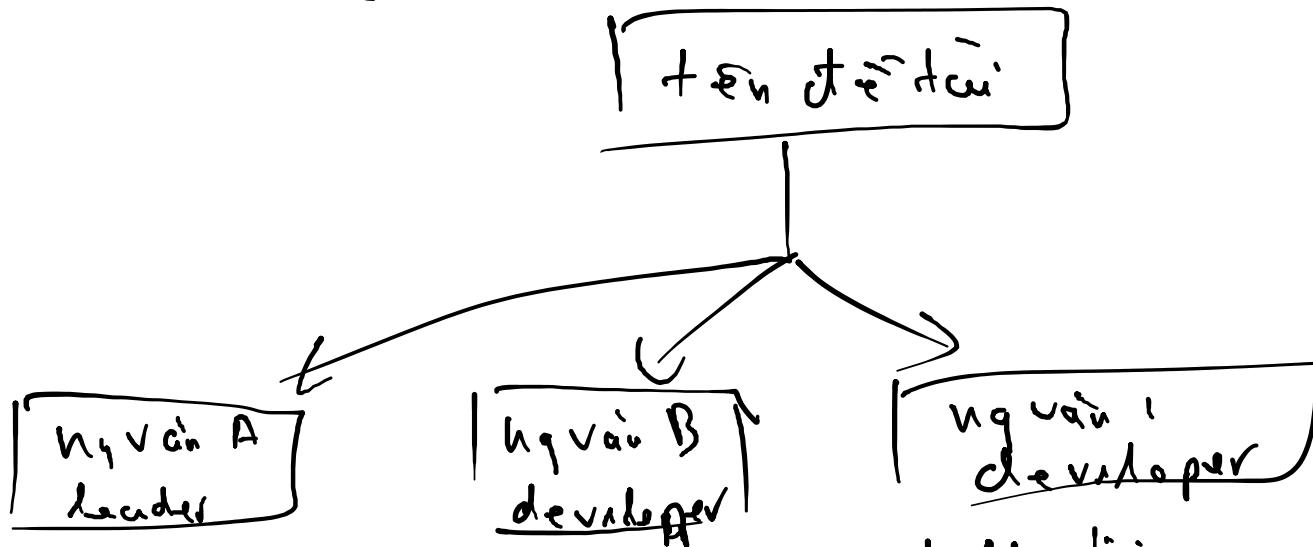
ngrams

chip:

...



1.5 Sơ đồ lân nhau:



1.6. Công cụ & công nghệ s  
trình duyệt navigation .  
idea stretch board .  
git hub . . .

travis ci  
github . . .

travis ci  
github . . .

php 7.8 . . .

mysql . . .

git . . .

## 2. Phân tích - thiết kế (vô thông)

### 2.1. Lực lượng

### 2.2. Ma trận phân quyền

### 2.3. Đặc dù chung

## 3. Thiết kế

### 3.1. Database

- ERD

- chi tiết các bảng



### 3.2. Giao diện - chung giao diện thiết kế

shider! : tên điện tử

gv hd

tviết nhôm : PH 01754.

lý học : gall 2021.

## Slide 2 : Hỗ trợ

các linh kiện  
các bộ phận

khách hàng

mô hình làm việc

giáo doan,  
/ mực tiêu

công việc  
và thành  
việc

đơn vị t. quý

nhân  
nghi

chỗ làm  
giáo phái

các  
đã  
việc

Bản ho

giáo phái  
nơi bùn

Kết

Demos + Q & A.

1. Khảo sát - Lên ý tưởng lý do  
giảm phái tòn th'  
và v.v & d.o.

2. Thiết kế hệ thống use case

Hk giao dịch

Đặc tả ý cù

E.R.D

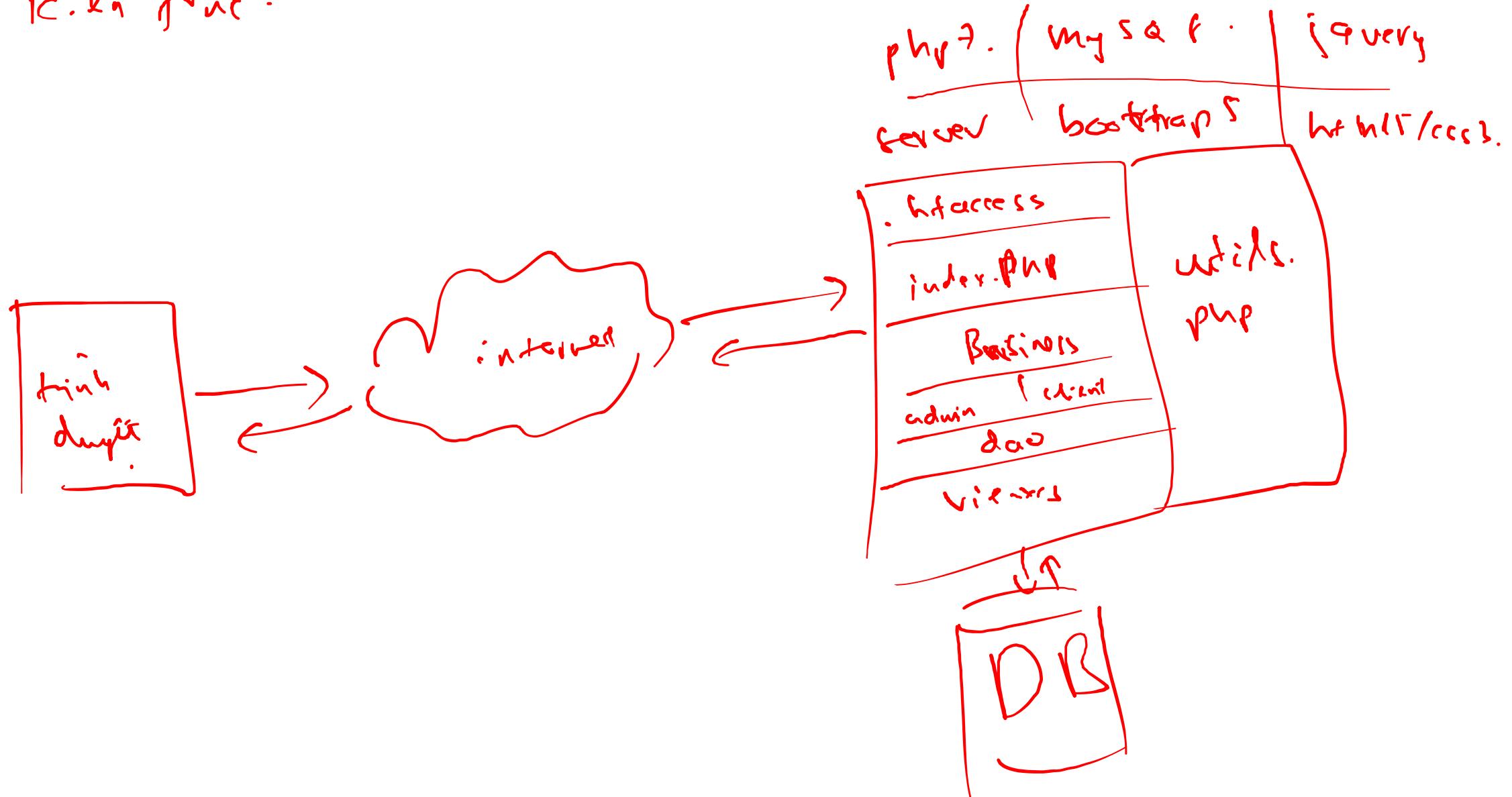
activity

Xử lý dữ liệu

- ① khán hính - it chín (lưu ý):
  - ② logo và tiêu đề.
- ② ①. use care <sup>acted</sup> →
  - Số lượng các chuỗi chính
  - thay đổi theo dõi trên slide.
- ③ 1 văn bản tệp. — giao diện.  
(client - nội dung)
  - mô tả dài thông qua bộ khung
  - mô tả dài rõ ràng và minh bạch
  - chẳng hạn phức tạp
- ④ ERD: vẽ lại < lucid  
Praxi.io.
  - theo hướng dẫn của họ

(5)

Kiến trúc:



## III Tiến trình

① quy trình - agile - scrum

hình vẽ của Scrum

PO: Hỗn thiêng

SM: Ông

Dev teams:

Sprint!: mục tiêu

có thể đạt được

A

—

B

—

C

~~D~~

Sprint retrospective  
tối ưu hóa

② Lên cao & róng nghệ.

③ upload file hosting /ups.

Cài hình.

Cài đặt DC.

Lết qua : uvl.

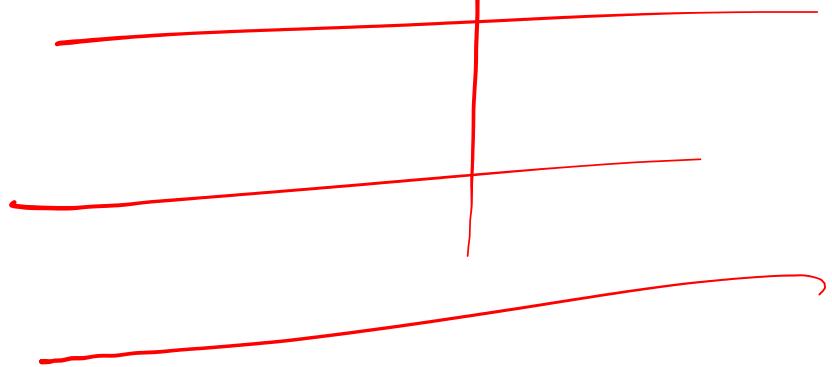
ành chèn thêm +2'

④ Giảm pháp nén ảnh  
nén hình.

#### IV TÔNG TIẾT

9, học và hành C U

khô (chán) | gác pháp



lẽ' học & gác

bùn hờ

lẽ' cảm ẩn.





